| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐIỆN BIÊN**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **22**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2025
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Trần Thị Tố Loan.**
*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Lò Thị Cải.**
Ông **Cà Văn Danh.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Cao Xuân Tuân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Mùa A G**; sinh năm 1979.

Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(có mặt tại phiên toà).*

2. Bị đơn: Chị **Giàng Thị Ú**; sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(có mặt tại phiên toà).*

Người phiên dịch cho bị đơn chị Giàng Thị Ú: Anh **Dương Văn K**; sinh năm 1982; Địa chỉ: Bản T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên *(có mặt tại phiên toà).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và trong quá trình giải quyết và tại phiên toà nguyên đơn anh Mùa A G trình bày:*

**1. Về hôn nhân:** Anh và chị Giàng Thị Ú chung sống như vợ chồng và làm thủ tục cưới theo phong tục dân tộc từ năm 1998 đến ngày 22/8/2016 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó năm 2023 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, hiện tại vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nay

anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy anh G đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với chị Giàng Thị Ú.

**2. Về con chung:** Anh Mùa A G và chị Giàng Thị Ú có 03 con chung là cháu Mùa A T; sinh ngày 11/2/1998; cháu Mùa Thị X; sinh ngày 15/02/2001; cháu Mùa Thị S; sinh ngày 02/01/2011.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và tại bản tự khai anh G trình bày có nguyện vọng sau khi ly hôn anh sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mùa Thị S; sinh ngày 02/01/2011 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Tại phiên hòa giải ngày 04/4/2025 anh G xin thay đổi nội dung về nuôi con chung như sau: Anh G có nguyện vọng sau khi ly hôn chị Ú sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mùa Thị S; sinh ngày 02/01/2011 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nuôi: Anh G không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với các cháu Mùa A T; sinh ngày 11/2/1998; Mùa Thị X; sinh ngày 15/02/2001 đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống riêng. Anh G không yêu cầu Toà án giải quyết.

**3. Về tài sản:** Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh G không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tường trình của chị Giàng Thị Ú gửi qua dịch vụ Bưu chính viễn thông ngày 08/01/2025, trong quá trình giải quyết và tại phiên toà bị đơn chị Giàng Thị Ú trình bày*:

**1. Về hôn nhân:** Chị và anh Mùa A G chung sống với nhau như vợ chồng và chỉ làm thủ tục cưới theo phong tục dân tộc từ năm 1998 đến ngày 22/8/2016 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó năm 2023 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính chị cho rằng anh G có quan hệ bất chính nhưng bản thân chị Ú không bắt được mà chỉ nghe nói như vậy. Chính vì thế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân, không có tiếng nói chung, không nói chuyện được với nhau, đến tháng 12/2024 anh G đi ra ngoài sinh sống không về nhà nữa. Nay anh G làm đơn ly hôn với chị. Quan điểm của chị tại bản tường trình và tại phiên hòa giải, chị không đồng ý ly hôn vì các con đã lớn, chị vẫn còn tình cảm với anh G. Đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng tôi quay về đoàn tụ, nhưng tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay chị thấy rằng tình cảm vợ

chồng không còn, bản thân anh G cũng không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy chị đồng ý ly hôn với anh G.

**2. Về con chung:** Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Mùa A T; sinh ngày 11/2/1998; cháu Mùa Thị X; sinh ngày 15/02/2001; cháu Mùa Thị S; sinh ngày 02/01/2011. Tại phiên hòa giải ngày 04/4/2025 chị Ú không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn trong trường hợp anh G nhất thiết cứ yêu cầu ly hôn thì chị Ú có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mùa Thị S; sinh ngày 02/01/2011 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vần đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Ú không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với các cháu Mùa A T; sinh ngày 11/2/1998; Mùa Thị X; sinh ngày 15/02/2001 đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống riêng. Chị Ú không yêu cầu Toà án giải quyết.

**3. Về tài sản:** Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị Ú không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 04/4/2025 Toà án đã tiến hành hòa giải tại Tòa án, nhưng không thành, Cùng ngày anh G đã có đơn gửi Tòa án với nội dung xét thấy mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, tình cảm đã hết, có hòa giải nữa cũng không thể quay về đoàn tụ được. Vì vậy anh G đề nghị Tòa án không hòa giải cho vợ chồng anh chị nữa. Ngày 08/4/2025, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1] Về thủ tục tố tụng**:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 19/12/2024 anh Mùa A G nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với chị Giàng Thị Ú có địa chỉ tại: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Ngày 24/12/2024 anh G có đơn xin miễn án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh G theo Điều 195 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa anh Mùa A G và chị Giàng Thị Ú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

**[2] Về nội dung:**

***[2.1] Xét về hôn nhân:*** Năm 1998 anh Mùa A G và chị Giàng Thị Ú chung sống với nhau như vợ chồng và chỉ cưới theo phong tục dân tộc, đến ngày 22/8/2016 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Như vậy, hôn nhân giữa chị Ú và anh G đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh G. HĐXX thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị xảy ra do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do chị Ú nghi ngờ, ghen tuông cho rằng anh G có quan hệ bất chính nhưng lại không có chứng cứ chứng minh mà chỉ nghe nói, chính vì vậy mà vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn dẫn đến ngày càng trầm trọng, anh chị không có tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân, anh G đã ra ở nhờ nhà anh chị và không về nhà nữa. Nay anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành, anh G không đồng ý quay về đoàn tụ với chị Ú. Anh G có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải cho vợ chồng anh chị nữa, cho thấy mâu thuẫn cuộc sống của anh chị đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được.

Về phía chị Ú, tại phiên hòa giải tại Tòa án chị không nhất trí ly hôn nhưng tại phiên toà hôm nay chị Ú cũng công nhận trong cuộc sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, có sống với nhau cũng không còn hạnh phúc nữa. Vì vậy chị đồng ý ly hôn với anh G.Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa anh chị tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho anh G được ly hôn với chị Ú.

***[2.2] Xét về con chung*:**

Anh G và chị Ú có 03 con chung là cháu Mùa A T; sinh ngày 11/2/1998; cháu Mùa Thị X; sinh ngày 15/02/2001; cháu Mùa Thị S; sinh ngày 02/01/2011.

HĐXX xét thấy từ khi chị Ú và anh G ly thân, cháu S đang ở nhà cùng chị Ú và đang học bán trú tại Trường gần nhà, bản thân cháu S cũng có đơn trình nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ là chị Ú để cho tiện việc đi học và được chị Ú chăm sóc. Tại phiên tòa chị Ú cũng mong muốn sau khi ly hôn chị sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mùa Thị S; sinh ngày 02/01/2011 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vì vậy để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu S cũng như mong muốn của anh G và chị Ú. HĐXX xét thấy

cần giao cháu Mùa Thị S cho chị Ú trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Anh G có quyền đi lại thăm con mà không ai được cản trở. Đối với các cháu Mùa A T; sinh ngày 11/2/1998 và Mùa Thị X; sinh ngày 15/02/2001 đã đủ tuổi thành niên và đã có gia đình riêng. HĐXX không xem xét.

***[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung:*** Chị Ú không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

***[3] Xét về tài sản:*** Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh G và chị Ú đều không yêu cầu Toà án giải quyết. HĐXX không xem xét.

***[4] Về nghĩa vụ chịu án phí:*** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Mùa A G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên anh G là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, anh G có đơn xin miễn án phí. Vì vậy HĐXX chấp nhận miễn án phí DSST cho anh Mùa A G.

***[5] Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. *Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân**: Cho ly hôn giữa anh Mùa A G với chị Giàng Thị Ú.

**2. Về con chung**: Giao con chung là cháu Mùa Thị S; sinh ngày 02/01/2011 cho chị Giàng Thị Ú trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với các cháu Mùa A T; sinh ngày 11/2/1998; cháu Mùa Thị X; sinh ngày 15/02/2001 các cháu đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống riêng. HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về tài sản;** Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: HĐXX không xem xét.

**4. Về nghĩa vụ nộp án phí**: Miễn 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho anh Mùa A G.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/4/2025).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tố Loan**

**<u>Nơi nhận</u>**:
*- Các đương sự;*
*- VKSND HĐB;*
*- UBND xã Núa Ngam, HĐB, tỉnh ĐB (nơi đăng ký kết hôn);*
*- Tòa án tỉnh ĐB;*
*- Lưu VP;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tố Loan**

**<u>Nơi nhận</u>**:
*- VKSND HĐB;*
*- Các đương sự;*
*- UBND xã Thanh Chăn, HĐB, tỉnh ĐB;*
*- Chi cục THADS HĐB;*
*- Lưu VP;*
*- Tòa án tỉnh ĐB;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tố Loan**